

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 18 tháng 4 năm 2025

## KẾ HOẠCH

### Nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo (PII) thành phố Cần Thơ năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nhằm nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 của thành phố Cần Thơ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ năm 2025, cụ thể như sau:

## I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

### 1. Mục tiêu

a) Thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

b) Tiếp tục duy trì và nâng cao thứ hạng chỉ số PII của thành phố Cần Thơ so với năm 2024, duy trì trong top 10 địa phương có chỉ số PII cao nhất của cả nước và là địa phương dẫn đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

c) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành về vai trò quan trọng của Chỉ số PII trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

### 2. Yêu cầu

a) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố tiếp tục đổi mới phương pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện hiệu quả các giải pháp nâng cao chỉ số PII, đặc biệt nghiên cứu và nắm rõ nội dung các Chỉ số thành phần; chủ động trong công tác tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành góp phần cải thiện chỉ số PII trong năm 2025. Trong quá trình thực hiện cần kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các Sở, ban, ngành thành phố xác định cải thiện và nâng cao Chỉ số PII là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, lâu dài của các cơ quan, đơn vị;

b) Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu cải thiện Chỉ số PII, biện pháp khắc phục và tổ chức triển khai có hiệu quả việc nâng cao Chỉ số PII của thành phố trong năm 2025;

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì làm đầu mối thực hiện việc cải thiện điểm số từng Chỉ số thành phần có trách nhiệm triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp và cùng chịu trách nhiệm về các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực phụ trách.

## II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Tiếp tục quán triệt nhận thức đến cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao trách nhiệm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số PII của thành phố Cần Thơ trong năm 2025 và các năm tiếp theo đến các Sở, ban ngành thành phố và các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, bảo đảm cụ thể, sát với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố, đặc biệt là các cơ quan chủ trì các nhiệm vụ thuộc các chỉ số được đánh giá có thứ hạng thấp cần cải thiện (bao gồm: (1) Chỉ số 4.1.3. *Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp (tỷ đồng)*; (2) Chỉ số 6.2.4. *Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý/ Tổng số xã*; (3) Chỉ số 5.2.3 *Số dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/ 1.000 doanh nghiệp*; (4) Chỉ số 1.2.1 *Chi phí gia nhập thị trường*; (5) Chỉ số 4.1.4. *Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp*) chủ động tìm hiểu nội hàm, ý nghĩa nguồn dữ liệu, phương pháp tính toán của từng chỉ số; phân tích, nghiên cứu kết quả đánh giá của chỉ số để xây dựng và triển khai các giải pháp nâng cao, cải thiện giá trị và xếp hạng của chỉ số thành phần, góp phần nâng cao chỉ số PII của thành phố.

3. Tiếp tục duy trì và nâng cao các điểm mạnh thuộc các chỉ số thành phần có vị trí cao; tăng bậc và cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần có vị trí xếp hạng thấp, điểm số thấp trong bảng xếp hạng; phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu dựa trên các chỉ tiêu thành phần, từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện phù hợp, kịp thời xây dựng và ban hành hoàn thiện các chính sách.

4. Thực hiện nghiêm túc việc thu thập thông tin, số liệu báo cáo theo yêu cầu đảm bảo đúng, đủ phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá chỉ số PII.

## III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN

Để thực hiện Kế hoạch, cần nghiên cứu nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo năm 2025 đồng bộ và hiệu quả; yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố đổi mới phương pháp thực hiện phù hợp, triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần của chỉ số PII, đặc biệt nghiên cứu nắm vững nội dung của chỉ số PII; chủ động trong công tác tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành góp phần nâng cao chỉ số PII 2025, như sau:

## **1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các sở, ban ngành thành phố về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PII**

a) Giao Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố

- Chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị về ý nghĩa, tầm quan trọng của chỉ số PII để cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Tiếp tục rà soát các chỉ số thành phần của PII thuộc lĩnh vực ngành, quản lý; chủ động tham mưu cho Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

- Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí và chỉ tiêu thành phần theo lĩnh vực của đơn vị, địa phương được phân công tại Kế hoạch này.

b) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan về chỉ số PII trên báo, đài, trang thông tin điện tử của Sở;

- Tổ chức Hội thảo khoa học công bố chỉ số PII 2024 và đề xuất các giải pháp, chính sách, định hướng phù hợp cho việc phát triển chỉ số PII phục vụ phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

## **2. Tập trung cải thiện để tăng điểm số các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2024 (Chi tiết đính kèm Phụ lục)**

a) Giao Giám đốc Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và đơn vị liên quan tham mưu triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp để cải thiện, nâng cao các chỉ số đổi mới sáng tạo tại Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; gắn với thực hiện nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thành phố Cần Thơ năm 2025, bao gồm: Chỉ số 1.2.1 Chi phí gia nhập thị trường (**xếp hạng 60/63**).

- Phối hợp với các sở: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí chi đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương.

b) Giao Chi cục trưởng Chi cục Thống kê thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu ban hành Kế hoạch và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện

môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp để cải thiện, nâng cao các chỉ số đổi mới sáng tạo, bao gồm:

+ Chỉ số 4.1.3. Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp (tỷ đồng) (**xếp hạng 51/63**);

+ Chỉ số 4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp (tỷ đồng) (**xếp hạng 60/63**).

c) Giao Giám đốc Sở Công Thương

- Tham mưu triển khai các giải pháp thu hút nhà đầu tư mới; tháo gỡ khó khăn, đôn đốc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được cấp; phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp và đề ra các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp để cải thiện, nâng cao các chỉ số đổi mới sáng tạo, bao gồm:

+ Chỉ số 5.2.3. Số dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/1.000 doanh nghiệp chế biến chế tạo (**xếp hạng 58/63**).

d) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu triển khai thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và đề ra các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp để cải thiện, nâng cao các chỉ số đổi mới sáng tạo, bao gồm:

+ Chỉ số 6.2.4. Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý / Tổng số xã. (năm 2024 **xếp hạng 57/63**).

### 3. Duy trì và tiếp tục nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần có điểm số tốt năm 2024

a) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu, tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ gắn với doanh nghiệp; Tham mưu các chính sách hỗ trợ hợp lý để tạo đòn bẩy cho doanh nghiệp đầu tư vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- Tăng cường triển khai hiệu quả các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ thiết bị, Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ;

- Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, sự kiện về khởi nghiệp sáng tạo nhằm góp phần nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

b) Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp trường, cấp huyện, cấp thành phố và cấp quốc gia;

- Tiếp tục triển khai hiệu quả giáo dục STEM trong giáo dục trung học, các trường Trung học theo hướng dẫn tại Công văn số 2715/SGDDĐT-GDTrH ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Giao Giám đốc Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục rà soát, tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế, chính sách bố trí nguồn ngân sách chi khoa học và công nghệ gồm: (i) Chi thường xuyên (sự nghiệp) Khoa học và Công nghệ, (ii) Chi đầu tư phát triển Khoa học và Công nghệ;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và đơn vị liên quan tham mưu ban hành và triển khai có hiệu quả chính sách, quy định trong thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của doanh nghiệp; giúp thúc đẩy, nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; trong đó tập trung các chỉ số có tích hợp các Chỉ số thành phần PII như: “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp”; “Chi phí gia nhập thị trường”;

- Phối hợp với các sở: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí chi đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương.

d) Giao Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ chủ trì, tham mưu đầu tư phát triển phần đầu tăng tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp. Tăng tỉ lệ các dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố.

đ) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 14 chủ trì, tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các chủ trương, chính sách thúc đẩy chương trình tài chính vi mô, nhằm giúp các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và người dân dễ dàng tiếp cận các nguồn tín dụng vi mô ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện đầu tư sản xuất - kinh doanh và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

e) Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, tham mưu ban hành các chính sách, chương trình phát triển cụm công nghiệp; phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường thu hút các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp góp phần tăng tỉ lệ các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn. Rà soát, tham mưu chính sách phát triển dịch vụ logistics.

g) Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Thúc đẩy phát triển nhanh số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã.

h) Đề nghị Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Cần Thơ (VCCI)

Phối hợp cùng các cơ quan và đơn vị liên quan đề xuất các chính sách, quy định trong thẩm quyền của địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện các Chỉ số thành phần PII như: “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự”, “Tính năng động của chính quyền địa phương”, “Cạnh tranh bình đẳng”.

#### **4. Cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2025 (Chi tiết đính kèm Phụ lục)**

a) Nguồn dữ liệu để xây dựng bộ Chỉ số PII năm 2025 và các năm tiếp theo được Bộ Khoa học và Công nghệ thu thập dựa trên số liệu từ các báo cáo thống kê, báo cáo quản lý chính thức của các cơ quan trung ương và địa phương; số liệu từ các bộ chỉ số khác (bộ chỉ số Cải cách hành chính, bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bộ chỉ số Chuyển đổi số, bộ chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh);

b) Để tiếp tục triển khai có hiệu quả thu thập thông tin, số liệu phục vụ cho công tác tính toán, đánh giá Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo từ năm 2025, phân đầu duy trì Chỉ số Đổi mới sáng tạo của Cần Thơ thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố chủ động thực hiện các nội dung tại Phụ lục Kế hoạch này.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch này, tuyên truyền, chỉ đạo thực hiện các Chỉ số thành phần theo nhiệm vụ được phân công; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ được giao; đồng thời, gửi thông tin và tài liệu minh chứng đối với các chỉ số thuộc lĩnh vực phụ trách về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp (ngày 15 tháng 7 hàng năm).

#### **2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thu thập thông tin, tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số PII năm 2025;

b) Tham mưu Kế hoạch phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội thảo khoa học công bố chỉ số PII 2024 và đề xuất các giải pháp, chính sách, định hướng phù hợp cho việc phát triển chỉ số PII phục vụ phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với sự tham gia chủ trì của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công

nghệ, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao nhận thức, đột phá và đổi mới tư duy; quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

c) Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố, Báo Cần Thơ tăng cường thông tin, tuyên truyền về kết quả Chỉ số PII và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này;

d) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định; đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo khắc phục các hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ bố trí ngân sách từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm để triển khai việc thu thập, cung cấp các dữ liệu và thực hiện các giải pháp để cải thiện nâng cao chất lượng các chỉ số thành phần phục vụ cho việc xây dựng và công bố Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể phối hợp giám sát việc thực hiện Chỉ số PII tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.

5. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố được giao làm cơ quan chủ trì, tham mưu thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần của Chỉ số PII chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành, đơn vị năm 2025.

Trên đây là Nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo (PII) thành phố Cần Thơ năm 2025. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, cơ quan tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố, tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, có ý kiến đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, kịp thời giải quyết theo quy định./v

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT TU; TT HĐND TP;
- Các sở, ban ngành, Mặt trận, đoàn thể TP;;
- Cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PTTH TP;
- VP.UBND TP (3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, HK

H

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Hà



## PHỤ LỤC

## PHÂN CÔNG CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

## THỰC HIỆN CUNG CẤP THÔNG TIN, TÀI LIỆU PHỤC VỤ TÍNH TOÁN BỘ CHỈ SỐ PII

(Kèm theo Kế hoạch số 88 /KH-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

| TT | Chỉ số                                                                                                              | Đơn vị chủ trì           | Đơn vị phối hợp                                                   | Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Chỉ số cần cải thiện                                                                                                |                          |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1  | 6.2.4. Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý / Tổng số xã (năm 2024 xếp hạng 57/63)                                            | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp với cơ quan, đơn vị, UBND quận, huyện triển khai các giải pháp thúc đẩy, hỗ trợ các tổ chức đăng ký chỉ dẫn địa lý;</li> <li>- Tham mưu ban hành các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố.</li> </ul> |
| 2  | 1.2.1 Chi phí gia nhập thị trường (năm 2024 xếp hạng 60/63).                                                        | Sở Tài chính             | Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện                              | Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và đơn vị liên quan tham mưu ban hành Kế hoạch và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp để cải thiện, nâng cao các chỉ số đổi mới sáng tạo             |
| 3  | 5.2.3. Tỷ lệ các dự án trong các cụm công nghiệp <sup>1</sup> /1.000 DN chế biến, chế tạo (năm 2024 xếp hạng 58/63) | Sở Công Thương           | Sở Tài chính, Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ | Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp SXKD trong các cụm công nghiệp                                                                                                                                                 |

<sup>1</sup> Các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp có thể thành lập doanh nghiệp mới hoặc là một dự án của doanh nghiệp đang hoạt động ở ngoài cụm hoặc trong cụm (một doanh nghiệp có thể có nhiều dự án đầu tư trong cụm công nghiệp). Các cụm công nghiệp ở địa phương bao gồm: cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP)

| TT | Chỉ số                                                                                                                                                                       | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp                      | Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | 4.1.3. Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN (tỷ đồng) (năm 2024 xếp hạng 51/63)                                                                                            | Chi cục Thống kê thành phố | Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính các cơ quan và đơn vị liên quan tham mưu ban hành Kế hoạch và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp để cải thiện, nâng cao các chỉ số đổi mới sáng tạo |
| 5  | 4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của DN (tỷ đồng) (năm 2024 xếp hạng 60/63)                                                                        |                            |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| II | Chỉ số thành phần tiếp tục duy trì thực hiện                                                                                                                                 |                            |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1  | 1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội <sup>2</sup> | Sở Khoa học và Công nghệ   | Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Nghiên cứu tham mưu ban hành các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển - xã hội.                                                                                                                                                    |
| 2  | 2.2.4. Số tổ chức KH&CN <sup>3</sup> /10.000 dân                                                                                                                             |                            |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3  | 5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN (%)                                                                                                                       |                            |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

<sup>2</sup> Các văn bản của địa phương quy định, triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước về tạo điều kiện thuận lợi cho ĐMST là các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch, đề án, quy định... được Tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành dưới hình thức Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND hoặc quyết định của UBND cấp tỉnh và hiện đang có hiệu lực. Phạm vi các văn bản quy định chính sách thúc đẩy KHCN và ĐMST phục vụ phát triển KT-XH được tính điểm cho chỉ số này gồm 13 lĩnh vực: (i) Hỗ trợ DN nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, (ii) Hỗ trợ DN đổi mới công nghệ, (iii) Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, (iv) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, (v) Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, (vi) Chuyển đổi số, (vii) Phát triển cụm công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, (viii) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, (ix) Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn, (x) Phát triển dịch vụ logistics, (xi) Phát triển và thu hút nhân lực, (xii) Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KHCN và ĐMST đến năm 2030, (xiii) Các văn bản chính sách khác có liên quan

<sup>3</sup> Tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật (đăng ký hoạt động tại Sở KH&CN địa phương và Bộ KH&CN)

| TT | Chỉ số                                                                                                    | Đơn vị chủ trì                              | Đơn vị phối hợp                      | Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần                                                                                                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | 6.3.2. Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN <sup>4</sup> /1.000 DN                 |                                             |                                      |                                                                                                                                                                     |
| 5  | 6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo <sup>5</sup> /tổng số doanh nghiệp mới thành lập (%)       |                                             |                                      |                                                                                                                                                                     |
| 6  | 2.1.2. Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT <sup>6</sup> /Tổng HSTH                          | Sở Giáo dục và Đào tạo                      | Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Tham mưu giải pháp hỗ trợ công tác tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT trong trường học trên địa bàn thành phố.                                                  |
| 7  | 2.1.4. Tỷ lệ chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề từ ngân sách địa phương /GRDP                          | Sở Tài chính                                | Sở Giáo dục và Đào tạo               | <i>Sở Tài chính:</i> Tham mưu nguồn kinh phí chi GDDT, KHCN từ ngân sách địa phương.                                                                                |
| 8  | 2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương /GRDP                                  |                                             | Sở Khoa học và Công nghệ             |                                                                                                                                                                     |
| 9  | 3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng | Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp | Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Tham mưu, triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp. |

<sup>4</sup> Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ. Doanh nghiệp KH&CN phải được cấp giấy chứng nhận để có căn cứ thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hiệu lực trên toàn quốc

<sup>5</sup> Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa). Đối với chỉ số này, chỉ tính các doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ của địa phương (ví dụ: các nhiệm vụ, hoạt động triển khai Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 tại địa phương, triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương,...

<sup>6</sup> Tỷ lệ học sinh THCS và THPT tham gia các cuộc nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp huyện (trên tổng số học sinh THCS và THPT toàn địa phương).

| TT | Chỉ số                                                                                                           | Đơn vị chủ trì                          | Đơn vị phối hợp             | Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp (%) <sup>7</sup>                                |                                         |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 10 | 5.2.2. Tỷ lệ dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp <sup>8</sup> / Tổng số doanh nghiệp |                                         |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 11 | 4.1.2. Vay tài chính vi mô/ <sup>9</sup> GRDP (%)                                                                | Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 14 | Ngân hàng chính sách Xã hội | Tham mưu triển khai các giải pháp liên quan đến tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm giúp các doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận các nguồn tín dụng ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện đầu tư sản xuất-kinh doanh và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn. |

<sup>7</sup> Diện tích đất công nghiệp là phần diện tích đất trong KCN dành cho nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, thực hiện dự án đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh; được xác định trong quy hoạch xây dựng KCN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng hạ tầng của các KCN là diện tích đã được xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật để cho các nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, thực hiện dự án đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh.

<sup>8</sup> Các dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp bao gồm (i) doanh nghiệp đã đăng ký thành lập mới và đang hoạt động trong các khu công nghiệp ở địa phương; (ii) cơ sở/nhà máy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có trụ sở ở ngoài khu công nghiệp của địa phương đang hoạt động trong các khu công nghiệp của địa phương. Các khu công nghiệp ở địa phương được tính trong chỉ số này bao gồm: (i) khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp mở rộng (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (ii) khu kinh tế, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (iii) khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Luật Công nghệ cao); (iv) khu CNTT tập trung (theo Nghị định 154/2013/NĐ-CP); (v) vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Quyết định 66/2015/QĐ-TTg).

<sup>9</sup> Tài chính vi mô là việc cấp cho các hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp nhỏ/siêu nhỏ các khoản vay nhỏ (gọi là tín dụng vi mô), nhằm mục đích giúp họ tham gia vào các hoạt động sản xuất hoặc khởi tạo các hoạt động kinh doanh nhỏ. Các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo cao cung cấp nhiều tài chính vi mô hơn các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo thấp, do vậy, chỉ số này là chỉ số nghịch đảo.

| TT | Chỉ số                                                                                            | Đơn vị chủ trì               | Đơn vị phối hợp                      | Giải pháp thực hiện cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần                                                                                                                                                                                                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | 7.1.2. Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã<br>(Chỉ tính các sản phẩm đạt 4 sao trở lên) | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ban ngành, UBND quận, huyện  | Tham mưu các giải pháp phát hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển các sản phẩm OCOP 4 sao trở lên.                                                                                                                                                                                        |
| 13 | 4.2.3. Đóng góp vào GDP cả nước (%). (Tỉ trọng GRDP của địa phương trong GDP cả nước)             | Chi cục Thống kê thành phố   | Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện | Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và đơn vị liên quan tham mưu ban hành Kế hoạch và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp để cải thiện, nâng cao các chỉ số đổi mới sáng tạo |